

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa

Tập 110

Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không

Chuyên ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm hai mươi chín, xem từ giữa dòng thứ hai từ dưới đếm lên:

“*Gia Tường Sớ vân: Tam hữu chi khổ (tức tam giới sanh tử), cố vân tam khổ. Chân Giải vị ‘Tường thích vi ổn’ (chỉ Gia Tường sư chi thích cánh vi ổn thỏa)*” (Gia Tường Sớ viết: “Do [dựa trên] các nỗi khổ trong Tam Hữu (tức tam giới sanh tử) mà nói là Tam Khổ”. Sách Chân Giải nhận định: “Tường thích vi ổn”, ý nói cách giải thích của ngài Gia Tường rất ổn thỏa), ổn trọng, thỏa đáng. Trước hết, chúng ta nói đến Tam Hữu. Đây là danh từ Phật học. Tam là tam giới, theo lời chú thích trong ngoặc đơn, chính là Dục Giới Hữu, Sắc Giới Hữu, Vô Sắc Giới Hữu, nên gọi là Tam Hữu. Hữu (有) là gì? Có nhân. Có nhân, đương nhiên có quả báo. Hữu ở đây là có nhân. Chúng ta có cái nhân Dục Giới, gặp duyên, hiện tượng Dục Giới bèn hiện tiền. Sắc Giới là phân biệt, Vô Sắc Giới là vọng tưởng, kinh Hoa Nghiêm nói là “chấp trước, phân biệt, vọng tưởng”. Đương nhiên [trong tam giới] ba thứ ấy đều có, chỉ là xét coi thành phần nào nhiều nhất [trong mỗi cõi]. Dục Giới chấp trước vô cùng nghiêm trọng, lại còn kèm thêm phân biệt và vọng tưởng, đó là cái nhân của Dục Giới. Sắc Giới chấp trước nhẹ nhàng, nhưng phân biệt khá nặng, đó là Sắc Giới. Tuy nói khá nặng, vẫn nhẹ hơn Dục Giới rất nhiều, rốt cuộc người ta ở trong mười tám tầng trời của Sắc Giới. Vô Sắc Giới hoàn toàn là mê hoặc, tức là vọng tưởng, nên họ chưa thể giác ngộ, chưa thể vượt thoát tam giới. Tam giới là lục đạo, vượt thoát tam giới cũng là vượt thoát lục đạo luân hồi. Nói theo Phật pháp, chúng là Kiến Tư phiền não, Trần Sa phiền não, và Vô Minh phiền não. Ba thứ phiền não ấy đều trọn đủ nên Tam Hữu đều khổ, quả báo ở trong tam đồ lục đạo, rất khó vượt thoát. Có thể nói là chẳng gặp Phật pháp thì về căn bản là chẳng thể nào vượt thoát. Trong các tôn giáo có giáo dục rất tốt, quá nửa là dạy quý vị đoạn ác tu thiện. Thật sự có thể đoạn ác tu thiện thì trong lục đạo chỉ có thể giữ sao cho chẳng đọa trong tam ác đạo, luân chuyển trong hai đường trời - người, trạng huống ấy vẫn tốt hơn trong tam ác đạo rất nhiều, bởi đó là phước báo nhân thiên. Phước nhất định phải do chính mình tu. Một đoạn kinh văn dài trong phần trước nhằm dạy chúng ta tu phước. Tu phước còn phải có trí huệ, có trí huệ thì quý vị mới nhận biết phước điền thật sự. Nếu quý vị chẳng nhận biết phước điền thật sự, ngỡ giả là thật, không chỉ chẳng gieo phước, mà còn gây tạo tội nghiệp, làm mất rồi! Vì vậy, trí huệ rất trọng yếu. Kinh Đại Thừa còn gọi ba thứ phiền não ấy là Kiến Tư Thập Sử, toàn là nói đến chấp trước, là một vấn đề nghiêm trọng trong lục đạo. Kiến (見) là năm loại sai lầm to lớn trong cách nhìn, Tư

(思) là tham, sân, si, mạn, nghi, năm thứ ấy là tư tưởng sai lầm, tạo thành nghiệp nhân sanh tử trong tam giới, đó là các nỗi khổ trong Tam Hữu. Đối với cách giải thích này của ngài Gia Tường, pháp sư Đạo Ân của Nhật Bản cũng khẳng định cách giải thích ấy rất hay.

Chúng ta xem phần kế tiếp: “*Cái trừ Tam Hữu sanh tử chi khổ, cánh hợp Tịnh Tông chi chí*” (Bồi lẽ, trừ bỏ nỗi khổ sanh tử trong Tam Hữu càng hợp với tông chỉ của Tịnh Tông), [nói về] tông chỉ tu học của Tịnh Độ Tông chúng ta. “*Chân Giải thích kinh văn viết: Như Lai đại y vương, năng trị kỳ bệnh, ứng bệnh dữ dược, trị Tam Hữu chi khổ. Bệnh hữu chúng đa, pháp dược diệc đa, cố vân chư pháp dược*” (Sách Chân Giải giải thích kinh văn như sau: “Như Lai đại y vương biết các bệnh, ứng theo căn bệnh mà cho thuốc để trị nỗi khổ trong Tam Hữu. Do có nhiều loại bệnh, nên pháp dược cũng nhiều. Vì thế, nói là chư pháp dược”), đây là một đoạn giải thích trong sách Chân Giải. Như Lai là nói hết thầy chư Phật đều gọi là Như Lai. Sánh ví chúng sanh trong lục đạo và trong mười pháp giới giống như các bệnh nhân. Trong bốn thánh pháp giới, bệnh nhẹ hơn một chút, chúng sanh trong lục đạo bị bệnh rất nghiêm trọng, vô cùng nghiêm trọng. Những vị ấy biết hết thầy chúng sanh mắc bệnh gì, chư Phật Như Lai biết, vì sao các Ngài biết? Các Ngài đã kiến tánh, mấu chốt của căn bệnh ở chỗ nào, không gì chẳng biết. Chỉ cần kiến tánh thì không gì chẳng biết, không gì chẳng thể. Quý vị biết cái gốc bệnh của họ ở chỗ nào, bèn ứng theo chứng bệnh mà cho thuốc. Uống thuốc vào, hết bệnh, thật sự chữa lành bệnh. Vì thế, [nói là] “*ứng bệnh dữ dược*”. Toàn là tỷ dụ chúng sanh lắm nỗi mê hoặc, lắm tập khí phiền não, nên tạo tác vô lượng vô biên tội nghiệp. Những gì quý vị đã tạo nhất định phải thọ báo, chẳng phải là “tạo rồi bèn hết chuyện!” Đức Phật dạy chúng ta tu pháp môn sám hối, tội từ tâm khởi thì vẫn phải dùng tâm để sám. Sám trừ nghiệp chướng, tội bèn tiêu. Tội đã tiêu, có phải là nghiệp chướng chẳng còn nữa hay không? Không luôn luôn là như thế! Vì sao? Trong tâm chúng ta đã chẳng còn nghiệp chướng, nhưng ta tổn thương, làm hại các chúng sanh, họ còn có nghiệp chướng hay không? Nếu họ vẫn còn có nghiệp chướng, sẽ ghi hận, oán cừu chẳng báo chẳng được! Ta tuy thành Phật, thành Bồ Tát, vẫn là đối tượng báo cừu của họ.

Phật, Bồ Tát có phải chịu quả báo hay không? Phải! Thích Ca Mâu Ni Phật đã vì chúng ta thị hiện, chúng ta phải hiểu rõ ràng chân tướng sự thật này; nhưng các Ngài thọ báo chẳng giống như chúng ta thọ báo, chúng ta thọ báo là oán hận, chẳng biết trong quá khứ đã tổn thương, làm hại người ấy, quên sạch chuyện quá khứ! Đời này, người ấy đến hại ta, ta không phục, ta vẫn muốn báo thù. Đó là gì? Oan oan tương báo, đời đời kiếp kiếp chẳng xong, chẳng kết thúc, đôi bên đều đau khổ, phàm phu làm như vậy. Bồ Tát đã giác ngộ, Ngài thọ báo liền biết vì sao ta gặp phải những chướng nạn ấy. Ngài hiểu, do hiểu nên trong tâm chẳng oán hận, trong lòng vui vẻ, hoan hỷ tiếp nhận, thanh toán xong rồi, kết thúc rồi, chẳng còn oán hận nữa, chẳng còn báo đền nữa, thật sự giải quyết vấn đề. Chúng ta hiểu rõ ràng chân tướng sự thật này, quý vị nhất định phải giác ngộ, chớ nên tổn thương, làm hại một chúng sanh nào. Muỗi đến chích ta, có nên giết

nó hay không? Chớ nên! Quý vị phải hiểu: Nó chích quý vị một phát, cũng chẳng qua là nó muốn ăn uống, tìm được quý vị, tức là quý vị và nó hữu duyên. Bồ Tát từ bi cúng dường nó, để cho nó ăn no rồi nó sẽ bỏ đi. Phàm phu ngu si chẳng biết, thấy muỗi liền đập bốp một cái, chết tươi, đánh chết tức là nợ nó một mạng! Nay ta giết nó, đời sau, khi ta phải biến thành muỗi, nó biến thành người, nó cũng giết chết ta; lục đạo chúng sanh đều làm chuyện hồ đồ này.

Do vậy, Phật, Bồ Tát khác hẳn, Phật, Bồ Tát có thể thỏa mãn dục vọng của hết thảy chúng sanh, quyết định sẽ không thương tổn, làm hại họ. Những loài tiểu động vật có biết hay không? Biết! Từ từ cảm hóa, giác ngộ chúng. Vì sao? Tự tánh của chúng nó và tự tánh của chúng ta là một, một Thể mà! Chúng nó mê nặng hơn ta, ta mê nhẹ hơn chúng một chút. Do chẳng gặp gỡ Phật pháp, chẳng thể giảng rõ ràng đạo lý này cho quý vị, quý vị không hiểu rõ chân tướng, chắc chắn làm chuyện sai quấy. Há có kẻ nào bị oan uổng mà chẳng có mảy may oán hận gì? Chỉ có người hiểu rõ, chỉ có người thật sự giác ngộ liền biết quyết định đừng sát sanh, quyết định chẳng trộm cắp. Chẳng trộm cắp là không cho bèn chẳng lấy. Vật có chủ, chủ nhân chẳng chấp nhận, chớ nên đòi động nó, hễ đòi động đều thuộc về cái tâm trộm cắp. Tuy ta chẳng có hành vi trộm cắp, nhưng ý niệm bất hảo, chủ nhân bày ra như thế, có gì ta phải đòi động nó? Không tà dâm: Điều này thuộc về tham, sân, si. Tham, sân, si là tác nhân độc hại gây bệnh nghiêm trọng. Chúng ta bên trong có tham, sân, si, nên mới bị lây nhiễm bệnh ôn dịch bên ngoài. Bên trong, tham, sân, si đã đoạn, dầu bên ngoài có ôn dịch, chẳng thể cảm nhiễm, y học hiện thời gọi điều này là “khả năng miễn dịch”. Khả năng miễn dịch là gì? Buông tham, sân, si xuống, khả năng miễn dịch bèn viên mãn, bệnh truyền nhiễm gì quý vị cũng chẳng nhiễm phải. Vì thế, đức Phật dạy chúng ta “*siêng tu Giới, Định, Huệ, diệt mất tham, sân, si*” là có đạo lý to lớn trong ấy!

Đặc biệt là trong xã hội hiện tiền, tai biến rất nhiều, chúng ta có thể nương theo giáo huấn của Phật, giáo huấn của Bồ Tát, giáo huấn của thánh nhân, đơn giản, ngắn gọn, chẳng phiền phức tí nào. Đó là gì? Trí huệ của Phật, Bồ Tát, trí huệ chân thật đơn giản, dễ hiểu. Vâng giữ hiếu, đễ, trung, tín, buông tham, sân, si, mạn xuông, bất luận tai chướng như thế nào quý vị đều sẽ bình an vượt qua. Chớ nên hoài nghi những chuyện này, nếu hoài nghi sẽ chẳng có hiệu quả. Thật đấy! Vì sao người khác hữu hiệu, mà ta vô hiệu? Do ta có nghi hoặc nên chẳng linh, mất hiệu lực rồi. Quyết định chẳng nghi hoặc, chắc chắn Phật, Bồ Tát, các vị thánh hiền nhân là những bậc từng trải, công phu tu hành của người ta đã đạt đến tột bậc, chúng ta há nên chẳng tin? Tin tưởng, nghe lời, y giáo phụng hành, quyết định đạt được lợi ích, sẽ trị liệu nỗi khổ Tam Hữu cho chúng ta. Chúng bệnh rất ư là nhiều, bệnh có tám vạn bốn ngàn thứ, [tức là] tám vạn bốn ngàn phiền não, nên đức Phật có tám vạn bốn ngàn pháp môn. Pháp môn giống như thuốc, bệnh (khuyết điểm, phiền não) của chúng sanh giống như những thứ bệnh khổ. Pháp môn của đức Phật là thuốc, nên nói là “*chư pháp dược*”. “*Dĩ chư pháp dược, cứu liệu*

tam khổ” (dùng các pháp dược, cứu chữa tam khổ), lia khổ được vui, Bồ Tát giúp quý vị viên mãn.

Kế tiếp là *“thăng Quán Đảnh giai”* (lên địa vị Quán Đảnh), mấy câu kinh văn kể từ câu này trở đi [nói về] sự thọ ký thành Phật. Quý vị đang ở trên đường tu hành, chư Phật hộ niệm quý vị, câu này là thọ ký. *“Kiến Đường dịch”* (thấy trong bản Đường dịch), câu này trích từ kinh Đại Bảo Tích. Trong kinh văn của hội Vô Lượng Thọ [trong kinh Đại Bảo Tích] có câu này (tức câu *“thăng Quán Đảnh giai”*). *“Giai giả, vị dã. Quán Đảnh giả, Ấn Độ cổ đại quốc vương tức vị thời, thủ tứ hải thủy, quán u vương đảnh”* (*“Giai”* (階) là địa vị. *“Quán Đảnh”*: Quốc vương Ấn Độ vào thời cổ, khi lên ngôi, dùng nước bốn biển rưới lên đỉnh đầu nhà vua). Đây là nói về ý nghĩa biểu thị pháp trên mặt hình thức. Thái Tử đấng cơ tiếp nhận ngôi vị quốc vương, bèn cử hành nghi thức này, tức là nghi thức Quán Đảnh. Dùng nước bốn biển: Chúng ta biết Ấn Độ là một bán đảo, ba mặt là đại dương, lấy nước ấy rưới lên đỉnh đầu quốc vương. *“Mật Giáo đồng chi”* (Mật Giáo cũng giống như vậy), Mật Tông trong Phật giáo có lễ Quán Đảnh, *“hữu Quán Đảnh pháp”* (có pháp Quán Đảnh). Tiếp đó là giải thích về Quán Đảnh, Quán Đảnh gồm hai loại, *“Quán Đảnh hữu đa chủng, giản ngôn chi, tắc vi nhị chủng”* (Quán Đảnh có nhiều loại, nhưng nói đơn giản thì có hai loại), nói đơn giản thì nó gồm hai loại lớn. Loại thứ nhất là *“Kết Duyên Quán Đảnh”*, loại này rất phổ biến. Chúng ta gặp một vị Thượng Sư, Thượng Sư làm lễ Quán Đảnh cho chúng ta để kết duyên, chẳng thật, loại này gọi là *“Kết Duyên Quán Đảnh”*. *“Hành nhân khát pháp, vị kết Phật duyên, dẫn nhập Quán Đảnh đàn, thọ dĩ Bốn Tôn chi ấn dữ chân ngôn. Thủ hậu, hành nhân tức khả y giáo tùy phận tu tập, thị vi kết duyên Quán Đảnh”* (Hành nhân xin thọ pháp, nhằm kết duyên với Phật, [Thượng Sư] bèn dẫn [hành nhân] vào đàn Quán Đảnh, trao truyền ấn khế và chân ngôn của Bốn Tôn¹. Từ đây trở đi, hành nhân có thể vâng theo lời dạy, tùy sức tu tập, đó là Kết Duyên Quán Đảnh). Trong Mật Tông Trung Quốc, nếu quy y Thượng Sư, sau khi hành lễ quy y, Thượng Sư quán đảnh cho quý vị. Đại khái là đối với một chén nước dâng cúng trước Phật, dùng đầu ngón tay thấm chút nước rảy lên đỉnh đầu, nghi thức là như vậy. Trọng yếu nhất là Thượng Sư truyền cho quý vị một bài chú ngữ, bảo quý vị hãy thường niệm. Thông thường chú ngữ là Lục Tự Đại Minh Chú, tức *“Án, ma-ni bát-mê hồng”* (Aum, mani padme hum),

¹ Bốn Tôn (Istha-devatā) là thuật ngữ trong Mật Giáo, tức là vị chủ pháp của một đàn tràng Mạn Đà La. Bốn Tôn có thể là Phật, Bồ Tát hoặc Minh Vương, là đối tượng chánh yếu để quán tưởng, hành trì của một mật pháp nào đó. Chẳng hạn, hành nhân tu chú Đại Bi thì Bốn Tôn là Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Âm. Bốn Tôn của chú Lục Tự Đại Minh là Tứ Tỳ Quán Âm (Quán Âm bốn tay). Trong các phép tu của Mật Tông, thông thường khi tụng niệm chú, hành giả phải quán tưởng chủng tự (Bija, seed syllable) rành rẽ từng nét, từ chủng tự ấy lưu xuất Bốn Tôn đúng theo mô tả trong nghi quỹ mà hành nhân đang tu tập. Mật Tông Tây Tạng lại quan niệm có Nội Tam Bảo và Ngoại Tam Bảo. Ngoại Tam Bảo là Phật, Pháp, Tăng, Nội Tam Bảo là Guru (thượng sư), Bốn Tôn và Hộ pháp (Dharmapala) – Không Hành Nữ (Dakini).

thường truyền bài chú này. Lúc tôi vừa mới học Phật, quy y Chương Gia đại sư, Ngài cũng cử hành nghi thức này cho tôi. Chúng tôi quy y đông lắm, dường như tới hơn ba mươi người; nhưng Ngài sử dụng nghi thức Quán Đảnh chẳng trực tiếp rảy lên thân từng người, mà dùng tay thấm nước, búng lên không trung, nước rơi xuống trúng đỉnh đầu từng người chúng tôi. Truyền dạy Lục Tự Chân Ngôn, tức Lục Tự Đại Minh Chú, dạy chúng tôi hãy thường niệm câu chú ngữ ấy, giống như Tịnh Độ Tông chúng ta niệm A Di Đà Phật.

Chúng tôi tuổi trẻ, đúng là sơ học cũng chẳng hiểu chuyện, nhưng thầy rất từ bi, chẳng trách móc chúng tôi. Tôi thỉnh giáo lão nhân gia, tôi thưa: “Án, ma-ni bát-mê hồng nghĩa là gì?” Thông thường, trong Mật Tông chẳng giải thích [chú ngữ], chỉ dạy quý vị niệm, tôi cứ nhất định hỏi rõ ý nghĩa. Thầy dạy: Chữ Án (Aum) trong câu chú là nói tới thân thể. Ma-ni là hoa sen, trong kinh giáo chúng ta thường thấy dùng chữ Ma-ni, Ma-ni là danh xưng của hoa sen trong tiếng Phạn. Bát-mê là bảo trì (gìn giữ), Hồng là ý, tức tâm ý. Theo cách hành văn của họ, sẽ là “thân, hoa sen, bảo trì”, tôi liền hiểu rõ. Người Hoa sẽ nói như thế nào? Khẳng định là giữ gìn thân tâm giống như hoa sen. Hoa sen mọc lên từ bùn lầy nhưng chẳng nhuốm bẩn. Câu chú có ý nghĩa dạy chúng ta phải giữ gìn thân tâm trong sạch giống như hoa sen. Tôi nghe xong, ý nghĩa ấy hay quá, giống như cách ngôn, thời thời khắc khắc nhắc nhở thân tâm của chính mình phải thanh tịnh, mang ý nghĩa này. Vì thế, thầy giảng rõ cho chúng tôi, khiến cho chúng tôi hiểu ý nghĩa, điều này rất quan trọng. Vì sao? Mật Tông nhấn mạnh “miệng niệm chú, tâm quán tưởng, tay kết ấn”, gọi là “tam mật tương ứng”, thân - khẩu - ý. Do quý vị chẳng biết ý nghĩa này, quý vị quán tưởng bằng cách nào? Quý vị chẳng có cách nào quán tưởng. Vì vậy, tôi theo Chương Gia đại sư ba năm, Ngài chẳng truyền dạy Mật Pháp cho tôi. Ngài bảo: “Mật pháp nhất định phải có cơ sở Hiền Giáo cao cấp. Nếu chẳng có cơ sở Hiền Giáo cao cấp, sẽ chẳng thể học Mật”. Vì thế, tôi theo Ngài ba năm, toàn bộ là nhằm đặt vững cơ sở nơi Hiền Giáo. Chúng tôi liễu giải: Trong Phật pháp, Mật thuộc loại Phật pháp cao cấp thật sự. Quý vị chẳng có nền tảng cơ sở, chắc chắn sẽ chẳng hành được! Nhất định phải rèn luyện thân tâm sao cho chẳng nhiễm mảy trần đối với cảnh giới bên ngoài thì mới có tư cách học Mật, chẳng dễ dàng! Hiện thời, chúng ta thấy học Mật quá nửa toàn là Két Duyên Quán Đảnh, tức là [người nhận Quán Đảnh] có tu hay không, thầy chẳng chịu trách nhiệm, đó là chuyện của bản thân quý vị! Vì thế, sau khi được nhận nghi thức Quán Đảnh, quá nửa người thọ đều chẳng y giáo phụng hành, nghĩa là chỉ có hình thức, chẳng có thực chất, chẳng thật sự đạt được hiệu quả.

Loại thứ hai, “*Thọ Chúc Quán Đảnh, u như pháp tích hạnh chi sĩ*” (Thọ Chúc Quán Đảnh là đối với bậc đúng pháp tu hành, tích tập), Tích (積) là tích lũy, Hành (行) là tu hành, thật sự tu hành, tu hành có thành tựu, “*truyền thọ bí pháp, nhi tác quán đảnh. Đắc quán đảnh dĩ, kham thọ sư vị, u Mật pháp trung tác A Xà Lê, thị vi Thọ Chúc (hoặc Truyền Giáo) Quán Đảnh*” (do truyền trao pháp bí mật mà làm Quán Đảnh. Đã được Quán Đảnh bèn có thể ở vào địa vị thầy dạy, làm bậc A Xà Lê trong Mật pháp. Đó là

Quán Đảnh truyền chức (hoặc truyền giáo)). Loại Quán Đảnh này giống như nghi thức trong điển lễ trao bằng tốt nghiệp. Quý vị học hành trong trường, đã học xong các lớp, sẽ đạt được học vị. Thí dụ như học vị Tiến Sĩ, hiệu trưởng trao bằng học vị Tiến Sĩ cho quý vị; điển lễ ấy được gọi là “*Thọ Chức Quán Đảnh*”. Phép Quán Đảnh này là thật, chẳng giả, khẳng định quý vị tu học thành tựu, do truyền trao Mật pháp mà cử hành nghi thức này, cũng như báo cho đại chúng biết quý vị có thể làm A Xà Lê. A Xà Lê (Ācārya) là thầy, trong trường học gọi là Giáo Thọ (giáo sư)². Quý vị có tư cách đảm nhiệm vai trò giáo sư, có năng lực dạy bảo học trò; điều ấy gọi là “*Thọ Chức Quán Đảnh*”, tức là quý vị đạt được học vị. Nếu chẳng đạt được học vị ấy, quý vị chẳng có tư cách làm giáo sư. Vì vậy, những vị A Xà Lê truyền pháp trong Mật Tông đều phải trải qua Thọ Chức Quán Đảnh thì mới được khẳng định.

Hiện tại, trong thời đại này, bậc cao tăng đại đức đều chẳng còn. Có thể nói là hiện nay là thời đại cả thế giới hỗn loạn nhất từ trước tới nay. Chúng ta sanh nhằm đời loạn, trong đời loạn, lắm kẻ tạo ra nổi oan nghiệt, ít người hành thiện. Chư Phật, Bồ Tát có trụ thế hay không? Nói theo lý, chúng sanh càng khổ, Bồ Tát càng phải đến. Bồ Tát trụ thế nhằm cứu độ chúng sanh khổ nạn. Nói chung, các Ngài chẳng thể thấy chết mà không cứu, nhất định phải đến. Tuy các Ngài có đến, nhưng chúng ta đều chẳng nhận biết, các Ngài chẳng dùng thân phận Phật để đến, cũng chẳng dùng thân phận Bồ Tát để đến, thậm chí cũng chẳng dùng thân phận A Xà Lê để đến, mà thị hiện giống hệt như kẻ bình phàm chúng ta, nên quý vị cũng chẳng nhìn ra. Vì sao? Thật sự thị hiện làm Phật, Bồ Tát, A Xà Lê, quý vị chẳng tin tưởng. Thị hiện làm nam, nữ, già, trẻ, các nghề nghiệp trong dân gian; quý vị chú tâm quan sát sự biểu hiện của các Ngài, [sẽ thấy] tâm tưởng, ngôn luận, hành vi của các vị ấy chắc chắn chẳng phải là tạo ác. Chú tâm quan sát, sẽ thấy các Ngài xa lìa Thập Ác, biểu hiện của các Ngài chắc chắn tương ứng với Tánh Đức, tương ứng với Thập Thiện. Người Hoa nói là tương ứng với luân lý, đạo đức thì chúng ta gọi người ấy là “hảo nhân”. Trong thời đại này còn có hảo nhân, rất nhiều hảo nhân là do Phật, Bồ Tát ứng hóa, là bậc đại thánh đại hiền tái lai, đến hòa quang đồng trần với chúng sanh. Các Ngài ở chỗ nào, chỗ ấy tai nạn khá nhẹ, thời gian xảy ra tai nạn khá ngắn, đại chúng chúng ta được hưởng lây, chuyện là như thế đó. Phật, Bồ Tát chẳng cần quý vị cung kính các Ngài, cũng chẳng cần quý vị tán thán các Ngài, điều gì các Ngài cũng không cần, sống cuộc đời rất bình phàm, quý vị không có cách nào cảm nhận. Nếu chẳng có các vị ấy, tai nạn trong thế giới này sẽ khôn xiết kể! Các Ngài làm cho tai nạn nhẹ bớt, chậm lại, chẳng phải là làm chuyện gì khác.

Tiếp đó, [sách Chú Giải] viết: “*Thượng thị thô phân. Nhược tường luận chi, tắc tại thượng thuật nhị giả chi gian, thượng hữu thường hành chi tứ chủng Quán Đảnh*” (Trên đây là phân chia thô thiển. Nếu luận định cặn kẽ, thì trong hai loại vừa nêu trên

² Giáo Thọ là cách người Hoa dịch chữ Professor hiện thời.

đây, còn có bốn loại Quán Đảnh thường được cử hành). Đây là kiến thức thông thường được nói kèm thêm, có bốn loại Quán Đảnh. Loại thứ nhất là “*Bình Quán, đắc tu tập sanh khởi thứ đệ chi tự tại*” (Bình Quán, được phép tự tại tu tập sanh khởi theo thứ tự). Hình thức này là [lễ Quán Đảnh sử dụng] tịnh thủy bình, giống như Quán Thế Âm Bồ Tát một tay (tay trái) cầm tịnh bình, tay phải cầm cành dương; dùng tịnh bình để quán đảnh³. Thông thường đều có thứ tự tu tập sanh khởi, [nghĩa là] người học, tức là người tu hành, thuật ngữ “*hành nhân*” trong Phật pháp nghĩa là “người tu hành”, [tu tập] có giai đoạn. Như kinh Hoa Nghiêm nói Thập Trụ, đạt đến địa vị cao nhất là địa vị thứ mười có danh xưng là Quán Đảnh Trụ, sẽ cử hành nghi lễ này. Khi từ địa vị Thập Tín đạt đến địa vị Quán Đảnh, tiến lên cao hơn là Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương, Thập Địa, đạt đến địa vị cao nhất trong mỗi tầng cấp. Đó là “tu tập sanh khởi theo thứ tự”. Giống như chúng ta học hành trong nhà trường, tốt nghiệp Tiểu Học, tốt nghiệp Trung Học. Tốt nghiệp Đại Học bèn có học vị. Tốt nghiệp Tiểu Học và Trung Học đều chẳng có học vị. Đây là Bình Quán.

Loại thứ hai, “*Mật Quán, đắc tu khí mạch, minh điểm chi tự tại*” (Mật Quán, được tự tại tu luyện khí mạch, minh điểm⁴). Công phu sâu hơn loại trước. Đây là dùng mật chú, mật chú có rất nhiều tánh chất, trọn chẳng tương đồng. Có các thứ mật chú giúp quý vị đoạn phiền não, có những mật chú giúp quý vị giải trừ bệnh tật, khôi phục sức khỏe nơi thân thể. Ở trong núi thẳm, hay trên cao nguyên, nhất định phải tu những pháp môn ấy. Vì sao? Sống tại các nơi ấy, việc chữa trị hết sức bất tiện, phải dùng năng lượng

3 Đây là nói theo nghi thức Đông Mật (Đường Mật), chứ Mật Tông Tây Tạng sẽ dùng một loại bình riêng, thường gọi là Bhumpa, thường làm bằng bạc hoặc đồng, có cần đá quý, chạm khắc các phù hiệu cát tường, hoặc mật chú, trên miệng bình có vành loe ra để lạt-ma cầm khi quán đảnh. Bhumpa có thể có vòi hay không. Thay vì cành dương, thường dùng một túm lông công gắn trên một cái cán gỗ, cắm vào bình Bhumpa. Khi quán đảnh sẽ dùng cán lông công ấy rưới nước lên đầu hành nhân (theo truyền thuyết Ấn Độ, loài công có thể ăn chất độc mà không sao, chúng có thể biến chất độc thành những màu sắc rực rỡ trên đuôi, nên lông công mang ý nghĩa tịnh hóa). Đôi khi các lạt-ma còn rót nước ra cho hành nhân uống và bôi lên đầu.

4 Minh điểm (Bindu) hoặc thường được biết dưới danh từ Tây Tạng là Thigle. Theo lý thuyết Mật Tông, Minh Điểm là tinh hoa của sanh mạng lực. Minh Điểm cùng với Khí (rLung) tạo thành cái thân vi tế. Mật Tông Tây Tạng cho rằng trong thân thể con người tồn tại hai Minh Điểm, một có màu hồng, thừa hưởng từ mẹ, và Minh Điểm màu trắng do thừa hưởng từ tinh khí của cha. Phái Shakta trong Yoga Ấn Độ đi xa hơn, quan niệm trong cơ thể con người, năng lượng tỏa ra từ Minh Điểm được tụ hội thành những nút chủ chốt gọi là Chakra (thuật ngữ Tây Tạng là Khorlo, thường được dịch là Khí Luân, Luân Tử, Mạch Luân, Khí Quả, hay Xa Luân. Từ ngữ này thường được các sách Yoga của Việt Nam gọi chệch thành Luân Xa). Trong cơ thể con người có bảy Khí Luân như vậy. Chất dịch do Minh Điểm tiết ra sẽ được các Khí Luân ngăn chặn hay thúc đẩy luân lưu khắp cơ thể. Đường luân lưu này được gọi là Khí Mạch. Như vậy, Mật Quán là cách Quán Đảnh, dạy cho hành nhân biết cách thở hít, quán tưởng để đã thông các Khí Luân và các khí mạch, cũng như điều chỉnh năng lượng hồng đạt được một mức độ cao hơn trong Thiền Định.

của chính mình để giúp cho thân tâm của chính mình khỏe mạnh. Các mật chú ấy dùng một loại âm thanh khiến cho các huyết đạo trong thân thể chúng ta thông suốt, không bị trở ngại. Bệnh là gì? Do khí huyết không thông nên sanh bệnh. Tại Trung Quốc, quá nửa là dùng phương pháp xoa bóp, khiến cho nó được lưu thông, hoặc dùng phương pháp châm cứu, chỗ nào bị bế tắc, trở ngại, bèn đã thông chỗ đó, bệnh tật sẽ lành, đạo lý là như vậy đó. Phương pháp cao minh nhất là không cần dùng đến châm cứu hay xoa bóp, mà dùng âm thanh. Chỗ nào sanh bệnh, bèn dùng chú ngữ ấy, chúng ta gọi nó là “chú ngữ”, trên thực tế là âm thanh. Âm thanh ấy phát ra, chấn động chỗ bị ứ tắc, do bị chấn động, nó được khai thông, đạo lý là như vậy đó! Vì thế, trong Đại Tạng Kinh, dùng mật chú để chữa bệnh có rất nhiều chú ngữ, nhưng hiện thời chúng ta niệm các chú ngữ ấy có thể chữa bệnh hay không? Chẳng thể! Do nguyên nhân gì? Chúng ta niệm âm thanh không chuẩn. Âm thanh ấy phải rất chuẩn xác, âm thanh lại còn phải dài, ngắn, mạnh, yếu nhằm chấn động một bộ vị tại một nơi nào đó. Rất hợp lý, chẳng phải là vô lý, đáng tiếc là đã thất truyền, hiện thời chẳng có mấy người biết! Theo những ghi chép trong lịch sử Trung Quốc, vào thời nhà Đường, các chú ngữ chữa bệnh được nói trong kinh điển đều hết sức hữu hiệu. Vì thuở ấy, người xuất gia lần tại gia học tập đều rất đúng chân truyền, nên ứng dụng hết sức thuận tiện. Nó có thể khiến cho năng lượng của chính mình tập trung, chẳng tán mát; do vậy, thân thể khỏe mạnh, sống lâu, có thể chống lại phong hàn bên ngoài. Mùa Đông mặc quần áo rất mỏng mà chẳng lạnh; mùa Hè mặc quần áo rất dày, nhưng chẳng nóng. Người ấy có khả năng như thế. Học loại này cũng phải có công phu kha khá.

Loại thứ ba, “*Huệ Quán, đặc cụ Bồ Đề tâm quyết chi tu trì tự tại*” (Huệ Quán: Đạt được bí quyết tự tại tu trì Bồ Đề tâm). Đây là Trí Huệ Quán Đảnh, cũng là Thượng Sư gia trì học trò. Các vị tổ sư đại đức Thiên Tông Trung Quốc đã sử dụng phương pháp này để giúp học trò đại triệt đại ngộ, trong Mật Tông gọi phương pháp này là Huệ Quán. Minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Khi nào vị ấy thấy đũa học trò này hiện thời công phu đạt tới mức, đã chín muồi, nhưng còn kém sút đôi chút. Chúng ta thường nghe nói “*bồng hát*” (棒喝: đánh bằng gậy, quát tháo) trong Thiên Đường, đó là một thứ phương thức [tiếp dẫn]. Khi người ấy sắp khai ngộ, nhưng vẫn chưa khai ngộ, còn kém một chút, vị thầy cao minh bèn giáng cho một gậy, hoặc hét một tiếng, khiến người ấy cả kinh, tỉnh ngộ, giải quyết vấn đề, chẳng cần đến ngôn thuyết, khiến cho người ấy hoát nhiên đại ngộ. Những trường hợp giống như vậy được ghi chép rất nhiều trong các bộ ngữ lục của Tông Môn, có trường hợp là đại ngộ, có trường hợp là đại triệt đại ngộ.

Loại thứ tư là “*Đại Thủ Ấn Quán, đặc tu Đại Thủ Ấn đạo chi tự tại. Mật Giáo trọng truyền thừa, vị kinh Quán Đảnh, bất đặc thiện tự tu tập, kinh quỹ diệc bất đặc thiện duyệt*” (Đại Thủ Ấn Quán: Được tự tại tu tập theo đường lối Đại Thủ Ấn⁵. Mật

⁵ Đại Thủ Ấn (Mahāmudrā), còn gọi là Đại Viên Mãn. Theo dòng Gelugpa, pháp tu này do ngài Kim Cang Trì (Vajradhara) truyền cho đại sư Tông Khách Ba (Tsong Khapa, sáng tổ

Giáo coi trọng sự truyền thừa. Người chưa được Quán Đảnh, chẳng được tự tiện tu tập, mà cũng chẳng được tự tiện xem đọc các kinh điển, nghi quỹ). Những điều này [là quy định] trong Mật Tông, nên nó được gọi là Mật. Mật ở đây chẳng phải là thần bí, chẳng phải là bí mật, mà là thâm mật (sâu kín), có đạo lý rất sâu. Nhất định phải có thầy truyền thừa, dẫu quý vị có các kinh điển ấy cũng chẳng thể học tập. Quý vị cũng chẳng thể học thành, ắt phải có người chỉ điểm. Chẳng giống như Hiền Giáo, Hiền Giáo có thể “*vô sư tự thông*” (không có thầy mà tự thông hiểu), chứ Mật Giáo thì không được! Mật Giáo nhất định phải có Thượng Sư. Hơn nữa, tu học chưa thành tựu, chẳng thể rời khỏi Thượng Sư. Rời khỏi Thượng Sư sẽ không thể thành tựu, hết sức coi trọng sự thừa. Tôi theo Chương Gia đại sư ba năm, lão nhân gia bèn viên tịch; bởi vậy, tôi được đặt vững cơ sở Phật pháp trong ba năm ấy, hết sức khó có! Nếu chẳng có ba năm cơ sở ấy, tôi theo thầy Lý học Giáo mười năm vẫn học chẳng thể thành công! Do ba năm cơ sở ấy, nên học Giáo ở chỗ thầy Lý mười năm mới có căn cơ vững vàng, mới có một chút thành tựu như vậy, rất khó có! Lại nghĩ đến đâu để tìm được một bậc thầy giống như vậy nữa? Tìm chẳng được! Tìm không được thì làm như thế nào? Tôi thường khuyến khích các đồng học, hãy làm tư thực đệ tử của cổ thánh tiên hiền, chư Phật, Bồ Tát, hãy học theo Mạnh Tử, học theo Ngẫu Ích đại sư thì trong một đời này, chúng ta vẫn còn có thể hy vọng. Chớ nên không đặt vững cơ sở đức hạnh. Chẳng có đức hạnh sẽ không thể có học vấn, chắc chắn là như vậy!

Nói cách khác, làm người chưa xong thì làm sao quý vị có thể làm Phật, làm Bồ Tát cho được? Há lẽ nào có chuyện như thế được? Nếu muốn học thánh, học hiền, học Phật, học Bồ Tát, phải làm người tốt đẹp trước đã. Giữ tâm lòng tốt, nói lời tốt, làm chuyện tốt, làm người tốt, tôi thường nói là “bốn thứ tốt”. “Tốt” có tiêu chuẩn, nhất định phải ghi nhớ tiêu chuẩn, rất đơn giản, chẳng phiền phức: Đệ Tử Quy là tiêu chuẩn của Nho gia, Cảm Ứng Thiên là tiêu chuẩn của Đạo gia, Thập Thiện Nghiệp là tiêu chuẩn của Phật gia, ba thứ ấy chẳng thể không học! Chẳng có ba thứ ấy, niệm Phật vãng sanh đều chẳng đáng tin cậy, chẳng nắm chắc. Có cơ sở ấy, học cơ sở ấy đến nơi đến chốn, thực hiện một trăm phần trăm, người ta hỏi quý vị niệm Phật vãng sanh có nắm chắc hay không? Quý vị thật sự nắm chắc! Đúng như kinh điển vừa mở ra bèn là “*thiện nam tử, thiện nữ nhân*”, quý vị sẽ có phần. Thật sự thực hiện, quý vị sẽ pháp hỷ sung mãn,

Hoàng Giáo Tây Tạng), nhưng tông phái Kargyupa quan niệm phép tu này do chính Phổ Hiền Pháp Thân Phật truyền cho ngài Tilopa, Tilopa truyền cho Naropa, Naropa truyền cho Milarepa và biến thành một phép tu chủ yếu trong tông Kargyupa. Phép tu Đại Thủ Ấn bắt đầu bằng tu Chỉ, chuyển biến mọi kinh nghiệm cảm nhận thành sự ngộ nhập tánh Không. Thông thường, họ quan niệm Đại Thủ Ấn gồm ba khía cạnh Kiến, Tu và Hành. Kiến là trực nhận thể tánh của tâm là sự thống nhất giữa tánh Không và tịnh quang, mỗi hiện tượng đều mang dấu ấn đặc biệt này. Tu là các phép tu để thể hiện sự trực nhập ấy, bao gồm các phép quán tưởng, tụng niệm thần chú, trì giới để tịnh hóa thân tâm. Hành là ứng dụng sau khi đã có kinh nghiệm trực tiếp về Đại Thủ Ấn.

thật sự là như Không Tử đã nói: “*Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ*” (học rồi tu tập, cũng chẳng vui sao), thật sự đạt được pháp hỷ, thật sự hưởng vui sướng, quý vị làm được! Quý vị làm không được bèn có phiền não, ưu lự, đau khổ; hễ quý vị làm được bèn chẳng có [những thứ ấy]. Do người bình phàm học Phật, học Đạo, học Nho đều coi thường, bỏ sót các căn cội ấy, [viện cớ] hình như chưa nghe nói người xưa đã học những thứ ấy. Thật ra, chúng ta đã hiểu lầm mất rồi. Người Trung Quốc trong thế kỷ trước, đã học từ ngay khi mẹ mang thai, lẽ nào chẳng học? Khi họ học, quý vị chẳng thấy. Giáo dục ba căn cội được giảng dạy vào lúc nào? Do mẹ dạy. Từ lúc sanh ra cho đến ba tuổi, trong một ngàn ngày ấy là vun quén căn bản giáo dục. Cổ ngôn ngữ Trung Quốc có câu: “*Tam tuế khán bát thập*”. Hiện thời, chẳng nghe ai nhắc đến câu này, chứ lúc chúng tôi còn bé thường nghe nói. [Câu ấy] nói rõ căn cội được vun trồng trong một ngàn ngày của ba năm ấy, đến lúc tám mươi tuổi vẫn chẳng biến đổi. Căn cội ấy vun bồi rất sâu, căn cội ấy được vun bồi rất kiên cố. Vì thế, người ấy nếu gặp duyên, hễ học Nho bèn thành thánh nhân, hoặc hiền nhân. Học Đạo bèn thành thần tiên. Học Phật sẽ thành Phật, hay thành Bồ Tát, thật đấy, chẳng giả đâu!

Hiện tại thì sao? Hiện tại, trong thế kỷ này rất bất hạnh, thế kỷ này là đời loạn. Sau khi nhà Mãn Thanh vong quốc, sang năm là đúng một trăm năm, suốt một thế kỷ xã hội động loạn là do mọi người coi thường, bỏ sót căn cội này chẳng vun bồi. Nửa thế kỷ gần đây, nói trên danh nghĩa là tiến bộ, chúng ta đi theo đường hướng công nghiệp hóa, công nghiệp hóa là như thế nào? Cạnh tranh. Chồng cạnh tranh trong xã hội, tận hết sức bươn chải vẫn chưa đủ sức, vợ bèn tiếp sức. Hai vợ chồng đều đi làm, con thơ sanh ra chẳng ai chăm sóc, cha mẹ chẳng dạy dỗ. Trong nhà bèn thuê người làm, để người làm dạy dỗ con thơ. Con của quý vị biến thành người làm, chẳng phải là như vậy ư? Quý vị đã làm hư thế hệ kế tục. Người làm dạy như thế nào? Người làm cho trẻ xem TV, trẻ nhỏ bèn ngoan ngoãn, chẳng làm ồn nữa. Do vậy, hiện thời ai dạy dỗ trẻ nhỏ? TV dạy chúng, học Tiểu Học bèn được Internet dạy dỗ. Quý vị hãy nghĩ xem, TV và Internet dạy chúng nó những gì? Dạy chúng nó bạo lực và tình dục, dạy chúng nó giết, trộm, dâm, dối, hủy hoại toàn bộ. Quả báo là gì? Quả báo là xã hội hiện thời động loạn, tai nạn trên địa cầu chẳng phải là không có nguyên nhân. Quả báo hiện tiền, chẳng biết do đâu mà có, vì sao trong quá khứ mấy ngàn năm qua chẳng có những tai nạn như vậy, vì sao hiện tại có lắm tai nạn như thế? Mọi việc ắt có nhân quả, hãy tìm nhân từ nơi quả, từ cái nhân sẽ thấy được quả báo, thiện nhân, thiện quả, ác nhân, ác báo. Tổ tiên thật sự thương yêu con cháu đời sau, ân đức ấy chẳng có cách nào báo đáp.

Khoa học hiện thời chê tổ tiên ngu độn hơn chúng ta, nay chúng ta ra khỏi cửa bèn ngồi xe hơi, ngồi máy bay, tổ tiên cưỡi ngựa hoặc đi bộ, thua xa chúng ta. [Do vậy], xem thường tổ tiên, đó là gì? Là đại bất hiếu! Thời cổ, đại bất hiếu là quả báo gì? Trời tru đất diệt. Quý vị thấy tai nạn hiện thời có phải là trời tru, đất diệt hay không, bất hiếu mà! Bất hiếu cha mẹ, bất kính sư trưởng, tai nạn bèn xảy đến. Các đế vương Trung Quốc từ xưa tới nay đề xướng gì? Họ đề xướng hiếu thảo cha mẹ, tôn trọng thầy. Mỗi

hoàng đế đều mong mỏi sau khi chết, thụy hiệu⁶ có chữ Hiếu, họ thông hiểu. Trong xã hội hiện thời, chúng ta chẳng cần đến hiếu kính, tức là quan điểm về giá trị trong xã hội bị đảo ngược, nên nảy sinh biến hóa một trăm tám mươi độ! Trong quá khứ, quan điểm giá trị là “hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, si”; hiện thời chẳng còn nữa, trào lưu hiện thời là “bất hiếu, bất kính, bất nhân, bất nghĩa”, người sống trong thế gian rất đáng thương. Chúng ta rất may mắn gặp gỡ giáo dục của thánh hiền, gặp gỡ Phật pháp. Hãy suy nghĩ, nếu chúng ta chẳng được gặp Phật pháp, sẽ sống cuộc đời này như thế nào? Rất khổ sở. Tuy nói là làm người, nhưng chúng ta nghĩ xem, có khác gì ngựa quỳ và địa ngục?

Chúng ta lại xem tiếp đoạn dưới, đoạn này vẫn tiếp tục cho chúng ta biết đôi chút kiến thức về Quán Đảnh. Vì nội dung kinh Vô Lượng Thọ vô cùng phong phú, có Hiền Giáo, có Mật Giáo, có Tông Môn, có Giáo Hạ. Kinh văn tuy không dài, nhưng hết thấy các giáo nghĩa do đức Thế Tôn đã nói trong bốn mươi chín năm đều hiện diện viên mãn

⁶ Thụy hiệu (諡號) là tên đặt cho đế vương, đại thần, hậu phi sau khi đã chết nhằm ca ngợi phẩm đức tu dưỡng của người ấy khi còn sống, hoặc phê phán. Tục lệ này đã có từ đời Châu, tương truyền, người đặt ra thụy hiệu chính là Châu Công. Tục lệ này bị phế trừ vào đời Tần Thủy Hoàng vì ông ta quan niệm: “*Con phê phán cha, bây tôi phê phán vua là đại nghịch bất đạo*”. Tập tục này lại được tái lập dưới đời Hán. Riêng đối với đế vương, khi cúng giỗ chỉ tuyên đọc thụy hiệu trong văn khấn cúng cơm chứ không đọc tên húy. Đối với vua, thoát đầu thụy hiệu chỉ có một chữ, tối đa là ba chữ, chia thành ba loại nhỏ:

- Thượng Thụy nhằm ca ngợi đức hạnh của nhà vua như Văn, Khang, Bình, Mục, Tương v.v... (chẳng hạn sử chép Châu Mục Vương thì Châu Mục Vương là thụy hiệu của nhà vua, khi vua còn sống chỉ dùng niên hiệu).

- Trung Thụy dành cho những vị được coi là minh quân, nhưng vẫn còn có một hai những hành vi không đúng lắm. Chẳng hạn như các chữ Mẫn (biết lo lắng cho đất nước), Hoàn (nhân từ, nhưng hơi hẹp hòi), Kính v.v...

- Hạ Thụy mang tính chất phê phán như Lệ (tàn bạo, thiếu người thân cận, thích tàn sát), U (tối tăm), Linh (loạn lạc, chẳng yên), Dượng (ham chuộng những thứ lễ tiết xa xỉ), Ai (đức chẳng đầy đủ, gặp gỡ tai nạn quá nhiều, chết sớm)...

Từ thời Đường trở đi, thụy hiệu bắt đầu dài ra, nhưng đến đời Minh, thụy hiệu của vua gồm mười bảy chữ hoặc hai mươi một chữ, nhà Thanh quy định là hai mươi một chữ hoặc hai mươi ba chữ. Chẳng hạn vua Khang Hy có miếu hiệu là Thanh Thế Tổ, thụy hiệu là Thử Thiên Long Vận Định Thống Kiến Cực Anh Duệ Khâm Văn Hiến Vũ Đại Đức Hoảng Công Chí Nhân Thuần Hiếu Chương Hoàng Đế. Nhà Minh cũng quy định thân vương thụy hiệu chỉ có một chữ, quận vương hai chữ, đại thần hai chữ. Khi nói đến các vị danh thần tận trung, thường không gọi thẳng tên mà gọi bằng thụy hiệu như Tăng Văn Chánh (Tăng Quốc Phiên), Lý Văn Trung (Lý Hồng Chương). Ngay cả trong Phật giáo, khi một vị cao tăng đã mất, các vua cũng có thói quen sắc phong thụy hiệu. Chẳng hạn tổ Bách Trượng Hoài Hải khi tịch được vua ban thụy hiệu là Đại Trí Thiên Sư, tháp hiệu là Đại Bảo Thắng Luân.

trong bộ kinh này. Câu kế tiếp là: “*Hựu Quán Đảnh phục hữu Sơ Vị dĩ Hậu Vị chi biệt. Sơ Vị giả, như Đại Nhật Kinh Sớ thập ngũ viết: (Hạ văn lược hữu san tiết), thí như thế gian Sát-lợi chi chủng, dục thiệu tự kỳ vị, linh vương chủng bất đoạn cố. Vị kỳ đích tử, nhi tác Quán Đảnh. Thủ tứ đại hải thủy, dĩ tứ bảo bình tịnh chi. Thủy linh lưu chú Thái Tử chi đảnh. Quán thử thủy đã, đại thanh tam xướng*” (Lại nữa, Quán Đảnh có Sơ Vị và Hậu Vị khác nhau. Sơ Vị là như Đại Nhật Kinh Sớ quyển thứ mười lăm chép: (Đoạn văn dưới đây đã được trích lược) “Vị như dòng Sát Đế Lợi (Ksatriya) trong thế gian, do muốn cho ngôi vua được tiếp nối khiến cho dòng vua chẳng bị gián đoạn, bèn làm lễ Quán Đảnh cho đích tử. Lấy nước từ bốn biển cả, dùng bốn cái bình báu để đựng, rưới nước ấy lên đỉnh đầu Thái Tử, lớn tiếng xướng ba lượt”). Kế đó, là lời nhà vua nói: “*Nhữ đẳng đương tri, Thái Tử dĩ thọ vị cánh, tự kim dĩ hậu, sở hữu giáo sắc giai đương phụng hành*” (các người nên biết, Thái Tử đã tiếp nhận chức vị, từ nay trở đi, tất cả mệnh lệnh của Thái Tử đều phải phụng hành). Đó là tại Ấn Độ vào thời cổ, khi Thái Tử tiếp nhận vương vị, trong phần trước đã nói qua, đến chỗ này, bèn trình bày tỉ mỉ. [Quán Đảnh theo lối] Bình Quán, sau khi Quán Đảnh, mấy câu này là truyền lệnh của Thái Tử. “*Nhữ đẳng đương tri*” (các người nên biết): Nhân dân cả nước phải biết, Thái Tử đã tiếp nhận ngôi vị, từ nay trở đi, tất cả các mệnh lệnh của ông ta ai nấy đều phải phụng hành.

Trong Phật pháp, dùng chuyện này làm tỷ dụ: “*Kim Như Lai pháp Vương, diệc phục như thị, vị linh Phật chủng bất đoạn cố, dĩ cam lộ pháp thủy nhi quán Phật tử chi đảnh. Tùng thử dĩ hậu, nhất thiết thánh chúng hàm sở kính ngưỡng, diệc tri thử nhân tất cánh bất thoái ư Vô Thượng Bồ Đề, định thiệu Như Lai Pháp Vương chi vị. Dĩ thượng tưu hành nhân Sơ Vị nhi thích*” (Nay đáng Như Lai Pháp Vương cũng giống như thế, vì muốn cho dòng dõi Phật chẳng đoạn, nên dùng nước cam lộ rưới lên đỉnh đầu Phật tử. Từ nay trở đi, hết thảy thánh chúng đều cùng kính ngưỡng, và cũng biết người ấy rốt ráo chẳng thoái chuyển nơi Vô Thượng Bồ Đề, chắc chắn nối ngôi vị Như Lai Pháp Vương. Trên đây là lời giải thích về Sơ Vị [Quán Đảnh] của hành nhân). Đây là Thọ Ký Quán Đảnh, người ấy đã thành Phật hay chưa? Chưa thành Phật, nhưng ta biết người ấy tu hành thật sự chẳng thoái chuyển, tương lai nhất định thành Phật. Đó là đức Phật thọ ký cho người học, nên gọi là Sơ Vị. Đức Phật quán đảnh có cần dùng đến nước hay không? Vẫn dùng, nhằm biểu trưng pháp, quý vị phải biết điều đó. Phật pháp trọng thực chất, chẳng coi trọng hình thức, nhưng cần phải có hình thức ấy để biểu diễn cho đại chúng xem, hy vọng đại chúng nhìn vào hình thức ấy, chớ quên ý nghĩa thật sự của việc Quán Đảnh. Quán (灌) nghĩa là gì? Nghĩa là truyền trao. Thầy giảng đạo lý tu hành cho quý vị nghe, quý vị đã hiểu rõ, giác ngộ, đó là Quán Đảnh, quán nhập! Giảng cho quý vị nghe, nhưng quý vị nghe chẳng hiểu rõ, nghe chẳng thông suốt, tức là tuy quán nhưng chẳng lọt vào [tâm của hành nhân] được. Chuyện là như vậy đó. Quý vị thật sự nghe hiểu, sau khi nghe hiểu, y giáo phụng hành, đạt được lợi ích; cho nên là Sơ Quán. Do điều này, chúng ta phải hiểu: Hình thức chẳng trọng yếu, có hình thức hay

không đều chẳng sao! Chúng ta cầu Phật quán đánh cho chúng ta, có cầu được hay không? Có thể! Có quán nhập hay chẳng? Tùy thuộc cá nhân! Cách cầu như thế nào? Quý vị niệm kinh Vô Lượng Thọ từ đầu đến cuối một lượt, tức là được mười phương Như Lai quán đánh cho quý vị một lần. Quý vị niệm một lần, thật sự thấu hiểu, thật sự minh bạch, y giáo phụng hành, tức là đã quán nhập. Mỗi ngày niệm hai lần là được quán đánh hai lần, mỗi ngày niệm mười lần là được quán đánh mười lần. Đó là Chân Quán Đánh, chẳng giả. Tuy chẳng có hình thức, nhưng thật sự được truyền thụ. Mười phương ba đời hết thầy Như Lai đều y theo phương pháp trong bộ kinh này để tu hành chứng quả, và cũng nương theo phương pháp ấy để giáo hóa hết thầy chúng sanh, khiến cho hết thầy chúng sanh thành tựu giống như Phật. Đó gọi là Đại Quán Đánh, Chân Quán Đánh, quý vị nhất định phải hiểu đạo lý này. Từ đầu đến cuối bộ sách này, từng câu từng chữ đều đáng gọi là “*cam lộ pháp thủy*”, hãy thật sự y giáo phụng hành. Quý vị thấy từ nay trở đi, “*nhất thiết thánh chúng hàm sở kính ngưỡng, diệc tri thử nhân tất cánh bất thoái u Vô Thượng Bồ Đề*” (hết thầy thánh chúng đều cùng kính ngưỡng, cũng biết người ấy rốt ráo chẳng thoái chuyển nơi Vô Thượng Bồ Đề), tương lai vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, nhất định chứng đắc “*Như Lai Pháp Vương chi vị*” (địa vị Pháp Vương của Như Lai), khẳng định! Đó là ý nghĩa Quán Đánh trong Phật pháp, dùng chuyện này để biểu thị pháp.

“*Chí u Hậu Vị*” (còn đối với Hậu Vị), “*Hậu Vị*” là Quán Đánh sau khi thành Phật. “*Tắc như Bí Tạng Ký viết: Bồ Tát Sơ Địa nãi chí Đẳng Giác, cứu cánh thiên Phật quả thời*” (thì như sách Bí Tạng Ký⁷ giảng: “Bồ Tát từ Sơ Địa cho đến Đẳng Giác, khi rốt ráo đạt đến Phật quả”), “*thiên*” (遷) ở đây là chứng đắc, chứng đắc Phật quả, chứng đắc địa vị Diệu Giác, “*chư Phật dĩ Đại Bi thủy quán đánh*” (chư Phật dùng nước Đại Bi tưới đánh), đây là hết thầy chư Phật bằng gia trì bằng ý niệm, nên gọi là “*Quán Đánh*”. Đối với bất cứ một ai, đó là lúc nào? Lúc đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, mười phương chư Phật gia trì người ấy. Chúng ta là hạng phàm phu tầm thường chẳng thấy, nhưng chính người ấy biết, chư Phật Như Lai biết, Pháp Thân đại sĩ biết. Không chỉ biết mà còn đều thấy, tin tức ấy lập tức truyền khắp pháp giới, lẽ nào chẳng biết! Chỉ có lục đạo phàm phu, ngoại phàm trong mười pháp giới mê hoặc, điên đảo, những kẻ ấy không biết. Mấy câu kết thúc rất hay, nhằm nêu ra cho chúng ta biết ý nghĩa chân thật của Quán Đánh: “*Hựu Bí Tạng Ký Sao thát*” (lại nữa, Bí Tạng Sao Ký, quyển bảy), trong quyển thứ bảy có một đoạn như thế này, “*Quán giả*”, Quán là gì? “*Đại bi hộ niệm nghĩa*” (nghĩa là đại bi hộ niệm), đó là Quán. Đánh là gì? “*Đánh giả, Phật quả tối đẳng nghĩa*” (Đánh: Phật quả là tối đỉnh). Trong Phật pháp, chỗ vô thượng tối cao, tuyệt đỉnh trong Phật pháp thì gọi là Đánh.

⁷ Bí Tạng Ký là tác phẩm do ngài Không Hải (sáng tổ Chân Ngôn Tông Nhật Bản) viết, ghi lại những điều được khẩu truyền về Mật Pháp từ thầy của ngài là hòa thượng Huệ Quả trong thời gian cầu pháp tại Trung Hoa.

Thời đại Tùy - Đường là thời đại hoàng kim trong Phật giáo Trung Quốc, tại lãnh thổ Trung Quốc, mười đại tông phái đều được thành lập trong thời đại ấy. Tiểu Thừa có hai tông là Câu Xá Tông và Thành Thật Tông. Đại Thừa có tám tông, trong tám tông ấy có Thiên Tông và Mật Tông, Thiên Tông xưng là Tông Môn, bảy tông phái Đại Thừa còn lại đều gọi là Giáo Hạ, nên gọi là Tông Môn - Giáo Hạ. Vào thời cổ, tại Trung Quốc, Phật giáo được gọi là Tông Giáo, chẳng liên quan gì đến “tôn giáo” nói trong hiện thời. Thời cổ, hễ nói đến Tông Giáo tức là nói đến Tông Môn và Giáo Hạ trong Phật môn, mang ý nghĩa ấy. Chữ Tông chuyên gọi Thiên Tông, chữ Giáo chính là bảy tông phái khác biệt đều gọi là Giáo. Vì sao xưng hô như vậy? Thiên Tông dùng phương pháp giáo học đặc thù, chẳng có văn tự, chẳng phải nương vào kinh điển để giáo học. Những người [là đối tượng của cách giáo học như vậy] được gọi là “thần đồng”. Bậc thượng thượng căn chẳng cần đến văn tự, họ đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Sau khi đã kiến tánh mới học kinh điển, chưa kiến tánh chẳng học kinh điển. Sau khi đã kiến tánh, học kinh điển nhanh chóng, như Long Thọ Bồ Tát, đối với hết thảy các kinh do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong bốn mươi chín năm, Ngài cần bao nhiêu thời gian để học trọn hết? Học xong toàn bộ trong ba tháng, ba tháng đã tốt nghiệp. Học như thế nào? Mỗi bộ kinh đọc đôi ba câu đã hiểu rõ, chẳng cần đọc kinh ấy nữa, nên học nhanh lắm! Ba tháng là chín mươi ngày, chúng ta có lý do để tin tưởng. Đối với Long Thọ Bồ Tát, chúng ta chưa thấy [kinh sách ghi chép cụ thể để chứng thực điều ấy], nhưng đối với Lục Tổ Huệ Năng đại sư thì chúng ta thấy được. Trong Đàn Kinh đã ghi chép một trường hợp vô cùng hay. Thiên sư Pháp Đạt cũng là thâm nhập một môn, huân tu lâu dài, cả đời là một bộ kinh Pháp Hoa, đại khái đã niệm mười năm, [vì Sư tự cho biết đã] niệm hơn ba ngàn lần. Kinh Pháp Hoa rất dài, đại khái mỗi ngày chỉ có thể niệm một lần, bảy quyển kinh văn dài, niệm ba ngàn lần. Tới bái kiến Lục Tổ đại sư, gặp mặt, cúi đầu lễ, nhưng đầu chẳng sát đất, đánh lễ ba lạy, đầu chẳng sát đất. Đứng lên, Lục Tổ hỏi Sư: “Vừa rồi ông lễ bái, đầu chẳng chạm đất, ông có gì đáng để kiêu ngạo đó chăng?” Đó là ngạo mạn, [tuy đánh lễ nhưng] đầu chẳng sát đất. Sư rất thành thật, [thưa] “tôi đã niệm ba ngàn biến kinh Pháp Hoa”, thâm nhập một môn, huân tu lâu dài. Lục Tổ hỏi Sư: “Kinh Pháp Hoa giảng gì vậy?” Sư chẳng đáp được, niệm rất thuộc, có thể đọc thuộc lòng. Sư thưa hỏi Lục Tổ, Lục Tổ bảo: “Ta chưa nghe kinh ấy”. Lục Tổ không biết chữ: “Ông hãy niệm cho ta nghe”. Kinh Pháp Hoa hai mươi tám phẩm, Sư niệm đến phẩm thứ hai, Lục Tổ bảo: “Được rồi, phần sau chẳng cần niệm nữa, ta đã hiểu rõ toàn bộ rồi”. Quý vị thấy hai mươi tám phẩm kinh, [mới nghe] hai phẩm Ngài đã hiểu toàn bộ, phần sau không cần [nghe nữa]. Trong ba tháng, Long Thọ Bồ Tát hiểu rõ toàn bộ Đại Tạng Kinh của Thích Ca Mâu Ni Phật, chẳng có gì hiếm hoi, lạ lùng! Do vậy, Tông Môn lợi hại, sau khi khai ngộ, đối với Phật pháp, một kinh thông, hết thảy các kinh đều thông. Thật ra, sáu trăm quyển Đại Bát Nhã được Thích Ca Mâu Ni Phật giảng trong hai mươi hai năm, kinh Kim Cang là một phần trong ấy. Ngũ Tổ chỉ giảng đại ý kinh Kim Cang cho Lục Tổ, mà cũng chẳng cần đến kinh bản, vào canh ba nửa đêm, chúng tôi ước đoán chẳng giảng lâu hơn hai giờ. Ngài giảng đến câu: “*Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*”, Lục Tổ

hoát nhiên đại ngộ, chẳng cần giảng nữa. Những điều khác hoàn toàn chẳng giảng, đã thông hiểu toàn bộ rồi. Ngũ Tổ truyền y bát cho Sư, thọ ký cho Sư: “*Ông giống như A Xà Lê, ông là Tổ Sư đời thứ sáu của Tông Môn*”.

Do cách giáo học đặc thù của Thiên Tông, chẳng phải là bậc thiên tài sẽ chẳng thể học, quý vị học gì cũng chẳng được. Không giống như Giáo Hạ, Giáo Hạ là một trường học thông thường, trong bảy tông phái còn lại, Thiên Thai là Pháp Hoa Tông, Hiền Thủ là Hoa Nghiêm Tông, trừ những tông chúng ta quen thuộc ấy ra, còn có Tam Luận Tông, Pháp Tướng Tông, Luật Tông, Mật Tông (Mật Tông cũng thuộc về Giáo Hạ), và Tịnh Độ Tông. Những tông phái ấy đều dựa theo kinh điển. Giống như dạy học trong nhà trường, từ cạn đến sâu, học từ từ, có Tiểu Học, Trung Học, Đại Học, nghiên cứu sinh, nâng cao từng bước một. Chẳng giống như Thiên Tông, Thiên Tông là “một bước lên trời”, hễ khai ngộ tất cả đều hiểu rõ. Tông Môn và Giáo Hạ là hai loại phương thức giáo học khác nhau. Giáo Hạ là cách giáo học thông thường, có thứ lớp. Tông Môn chẳng có thứ lớp, nên rất khó thành tựu. Lục Tổ Huệ Năng đại sư tại Trung Quốc truyền pháp có thể nói là không tiền khoáng hậu, sau Ngài chẳng có ai được như vậy nữa. Trong đời Ngài, dưới sự điều giáo (uốn nắn, giáo hóa) của Ngài, có bốn mươi ba người đại triệt đại ngộ. Trong quá khứ, Tông Môn chẳng có nhiều người [đại triệt đại ngộ] như thế! Một thầy truyền được một hai học trò, làm sao có thể truyền tới bốn mươi ba người? Các vị tổ sư Thiên Tông sau đó truyền tới đa cũng không quá ba, bốn người. Truyền được một người là nhiều nhất, [những vị thiên sư] chẳng có truyền nhân càng nhiều, suốt đời tìm chẳng ra người để truyền pháp!

Tông Môn và Mật Tông đều phải có người truyền, nhất định phải có thầy chân truyền để truyền trao, chẳng có thầy đều chẳng thể thành tựu! Không giống như Giáo Hạ, Giáo Hạ chẳng có thầy, y theo kinh điển vẫn có thể thành tựu, từ từ đạt được. Đặc biệt là Tịnh Độ Tông trong Giáo Hạ, trong kinh Đại Tập đức Phật đã thọ ký cho mọi người chúng ta, lão nhân gia nói rất hay: “*Chánh Pháp thời kỳ, giới luật thành tựu*”, [nghĩa là] kể từ sau khi đức Phật diệt độ, suốt một ngàn năm là thời kỳ Chánh Pháp, thật sự có thể trì giới bèn đắc Định, có thể chứng quả A La Hán. Thành tựu trong nhà Phật là có thể ngay trong đời này vượt thoát lục đạo luân hồi, chứng quả A La Hán, được coi như thành tựu. Chưa thể vượt thoát lục đạo, vẫn luân hồi trong lục đạo, tức là chẳng có thành tựu. Phước báo nhân thiên chẳng thể coi là thành tựu, trong Giáo Hạ nhất định phải hiểu điều này. “*Tượng Pháp thời kỳ*”, Phật giáo truyền đến Trung Quốc, đó là một ngàn năm thứ hai, “*Thiền Định thành tựu*”, nên phong khí Thiền triển khai rộng khắp tại Trung Quốc, pháp vận của Thiền là một ngàn năm. Hiện thời chẳng còn nữa, nay là thời kỳ Mạt Pháp, đại khái là hiện thời học Thiền đắc Định đều chẳng thấy. Thời kỳ Mạt Pháp, đức Phật dạy “*Tịnh Độ thành tựu*”. Mạt Pháp là một vạn năm, hiện thời đã qua một ngàn năm. Từ xưa đến nay, theo sự ghi chép của các bậc cao tăng đại đức Trung Quốc, chúng ta có thể thấy điều này từ các kinh điển bằng tiếng Hán, Thích Ca Mâu Ni Phật giảng sanh vào năm hai mươi bốn đời Châu Chiêu Vương, tức năm Giáp Dần.

Thích Ca Mâu Ni Phật tuổi Cọp, năm Dần là năm Cọp, Giáp Dần mà! Thích Ca Mâu Ni Phật nhập diệt vào năm năm mươi ba đời Châu Mục Vương. Do vậy, Thích Ca Mâu Ni Phật trụ thế tám mươi tuổi. Người Trung Quốc tính tuổi theo lối hư tuế (tuổi ta), còn người ngoại quốc tính theo tuổi thật nên là bảy mươi chín tuổi. Nếu dựa theo cách tính toán này cho đến hiện thời, tức là từ năm Châu Mục Vương năm mươi ba cho tới hiện thời sẽ là ba ngàn lẻ ba mươi bảy năm. Đến nay, Mạt Pháp đã trải hơn một ngàn năm, tức là một ngàn lẻ ba mươi bảy năm, sang năm là một ngàn lẻ ba mươi tám năm. Nhằm thời Mạt Pháp thì “*Mạt Pháp thời kỳ, Tịnh Độ thành tựu*”, Thích Ca Mâu Ni Phật thọ ký chuyện này. Chúng ta sanh nhằm thời kỳ Mạt Pháp, nhất tâm nhất ý tu pháp môn Tịnh Độ, nghe theo giáo huấn của Thích Ca Mâu Ni Phật, Ngài dạy chúng ta hãy tu Tịnh Độ trong thời kỳ này.

Trong các kinh luận Tịnh Độ, bộ kinh này là kinh điển trọng yếu nhất, là đại kinh căn bản của Tịnh Độ, kinh Vô Lượng Thọ thích hợp thời đại này. Trong Tịnh Độ, vào lúc kết thúc một ngàn năm thứ nhất của thời Mạt Pháp, lão cư sĩ Hạ Liên Cư xuất hiện trong thế gian, vì chúng ta hội tập một bản kinh viên mãn như vậy, khẳng định kinh bản này còn được lưu truyền chín ngàn năm nữa. Do vậy, tại ngoại quốc, rất nhiều người nói đến tận thế, nhưng Phật pháp chẳng như vậy! Phật pháp hãy còn chín ngàn năm về sau nữa, lẽ đâu có tận thế? Pháp vận chín ngàn năm, trong quá khứ, Chương Gia đại sư bảo tôi, [pháp vận] có hưng, có suy, hễ có hưng, có suy, sẽ chưa phải là diệt pháp, chư Phật, Bồ Tát sẽ chiếu cố. Chúng ta hiện thời đang [ở vào thời kỳ Phật pháp] suy vi, suy đến tột cùng chính là thời đại này. [Phật pháp] có thể hưng khởi hay không? Có thể! Chúng ta lưu ý, có những người trẻ tuổi, thanh thiếu niên thật sự có thiện căn, tôi nghĩ trong số ấy có những vị tái lai, nếu phát hiện những người ấy, chúng ta hãy toàn tâm toàn lực giúp họ, đời này qua đời khác sẽ dần dần hưng vượng lên.

Đây là nói theo nhà Phật, tổ sư đại đức dạy chúng ta ý nghĩa của Quán Đảnh, ý nghĩa thật sự của sự Quán Đảnh được trình bày bằng mấy câu này. “*Đại bi hộ niệm*” là ý nghĩa của chữ Quán, chân quán, Đại Bi hộ niệm! Phật quả tột đỉnh, kinh Vô Lượng Thọ là Phật quả tột đỉnh. Quý vị thấy trong quá khứ, các vị đại đức thời Tùy - Đường cũng nhằm lúc tâm huyết sôi trào, mọi người ngồi lại đàm luận: “Thuở đức Thế Tôn tại thế, giảng kinh, thuyết pháp bốn mươi chín năm, bộ kinh nào là đệ nhất, trọng yếu nhất?” Gần như mọi người đều công nhận kinh Hoa Nghiêm là bậc nhất. Vì thế, tôn xưng kinh Hoa Nghiêm là “căn bản pháp luân”. Thuở trước, tiên sinh Phương Đông Mỹ giới thiệu Phật giáo cho tôi, đã nhắc tới kinh Hoa Nghiêm, bảo kinh Hoa Nghiêm là khái luận triết học trong kinh Phật. Theo cách nhìn ấy của cụ, khái luận triết học trong kinh Phật thì cũng là chí cao vô thượng. Cụ đặc biệt giới thiệu với tôi, trong kinh ấy có lý luận viên mãn, có phương pháp tinh xác, tức là phương pháp tinh mật và xác thực, phía sau lại còn kèm theo biểu diễn. Cụ nói các sách triết học trên toàn thế giới chẳng có sách nào có thể sánh bằng kinh Hoa Nghiêm. Quả thật, kinh Hoa Nghiêm quá hay, cuối kinh là năm mươi ba lần tham học nhằm biểu diễn cho chúng ta thấy. Cuối kinh Hoa Nghiêm,

chúng ta thấy kinh viên mãn như thế nào? Mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc, Hoa Nghiêm đạt đến rốt ráo viên mãn. Chư vị phải biết: Nay chúng ta đang đọc phẩm này là phẩm thuộc Tỳ Phàn, “Đức Tuân Phổ Hiền”. Do vậy, Tây Phương Cực Lạc thế giới là thế giới gì? Thế giới của Phổ Hiền Bồ Tát, chẳng phải là thế giới Hoa Nghiêm hay sao? Vì thế, nói Hoa Nghiêm đến cuối cùng quy kết về đâu? Quy vào Vô Lượng Thọ. Vô Lượng Thọ là đệ nhất trong đệ nhất, điều này đã được các vị tổ sư đại đức công nhận từ xưa. Ngàn kinh vạn luận chỗ nào cũng chỉ quy, Thích Ca Mâu Ni Phật luôn dẫn dắt chúng ta niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, thân cận A Di Đà Phật, nhất định sẽ chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề trong hội A Di Đà Phật. Do vậy, đối với Quán Đảnh, kinh Vô Lượng Thọ mới thật sự là “đảnh pháp” (pháp cao tột đỉnh), cao hơn kinh Hoa Nghiêm, chúng ta phải biết điều này. Vì thế, gọi là Đảnh. Bởi lẽ đó, đọc bộ kinh này từ đầu [đến cuối] một lượt tức là được mười phương hết thảy Như Lai quán đảnh một lần, thật đấy, chẳng giả. Có thể y giáo phụng hành, lẽ nào chẳng được lợi ích!

“Chư Phật hộ niệm, linh chi Phật đảnh trụ, giai danh Quán Đảnh dã. Kim kinh vân ‘thăng Quán Đảnh giai’, đối dự hội đại sĩ nhi ngôn, nãi chỉ Hậu Vị” (chư Phật hộ niệm khiến cho đạt đến trụ nơi Phật đảnh, đều gọi là Quán Đảnh. Nay kinh này nói “đạt lên địa vị Quán Đảnh”, đối với các vị đại sĩ tham dự pháp hội mà nói thì họ là Hậu Vị [Quán Đảnh]). Sơ Vị đối với Hậu Vị là nâng lên từng bậc, nâng lên tới địa vị Diệu Giác. Chư Phật hộ niệm giúp cho chúng ta thành Phật, đạt đến Phật đảnh trụ, đó là ý nghĩa “Quán Đảnh”. “Nhược chỉ giáo đạo chúng sanh, tắc thọ quán giả thị Sơ Vị” (nếu nói về phía chúng sanh được chỉ dạy thì người thọ Quán Đảnh thuộc Sơ Vị). Nay chúng ta tiếp nhận Phật pháp, tiếp nhận kinh Vô Lượng Thọ, thật sự y giáo tu học, thì là Sơ Vị Quán Đảnh. Quý vị đến thế giới Cực Lạc, tương lai thành Phật, đó là Hậu Vị Quán Đảnh. Ở đây là Sơ Vị. Đoạn này nhằm giải thích ý nghĩa của sự Quán Đảnh.

Đoạn kế tiếp là thọ ký, “thọ Bồ Đề ký”, câu kinh văn này cũng trích từ bản Đường dịch. “Thọ giả, phó dĩ chi nghĩa (cấp nhĩ). Ký giả, ký thức chi nghĩa, diệc tức huyền ký chi ký” (Thọ (授) có nghĩa là trao cho (cho quý vị). Ký (記) nghĩa là ghi nhớ, mà cũng là chữ Ký trong huyền ký), giống như nay chúng ta nói là “tiên đoán”, dự báo trước, chứ hiện thời quý vị vẫn chưa đạt được. “Phật đối phát đại tâm chi chúng sanh, thọ dĩ đương lai tất định tác Phật chi ký, xưng vi Thọ Ký” (Đức Phật đối với những chúng sanh phát đại tâm, dự đoán người ấy trong tương lai nhất định làm Phật, thì gọi là Thọ Ký). Trước hết, chúng ta phải hiểu [từ ngữ] “phát đại tâm chúng sanh”, “đại tâm” là đại Bồ Đề tâm, phát tâm làm Phật, ta trong một đời này muốn thành Phật, đối với những người như vậy đức Phật mới thọ ký. Làm Phật bằng cách nào? Niệm Phật bèn thành Phật. Nói cách khác, thật sự phát tâm tu pháp môn Tịnh Độ, đều là chúng sanh phát đại tâm, vì sao? Tịnh Độ là đại pháp, chẳng phải là tiểu pháp. Tịnh Độ là đại thành tựu, chẳng phải là tiểu thành tựu. Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng phải là chúng A La Hán, chẳng phải là chúng quả vị Bồ Tát, đến thế giới Cực Lạc là thành Phật, quý

vị và Thích Ca, A Di Đà Phật, Tỳ Lô Giá Na Phật có địa vị giống nhau. Do vậy, thật sự phát tâm niệm Phật chẳng tuyệt diệu ư? Người bình phàm chẳng biết, lục đạo chúng sanh cũng không biết. Không chỉ lục đạo chẳng biết, ngay cả Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật trong mười pháp giới cũng đều không biết. Mười pháp giới vẫn là phàm phu chưa kiến tánh y như cũ, Phật trong mười pháp giới chưa phải là chân Phật. Vì thế, Thiên Thai đại sư gọi những vị Phật ấy là Tương Tự Tức Phật, chưa phải là Chân Phật. Minh tâm kiến tánh mới là chân Phật, vị ấy sử dụng chân tâm. Vì lẽ đó, pháp môn này không gì cao hơn, không gì bằng, khôn sánh; chúng ta đã gặp gỡ mà trọn chẳng biết trân quý, chẳng biết giá trị. Tám vạn bốn ngàn pháp môn, pháp môn nào cũng đều chẳng thể sánh bằng pháp môn này, ngay cả Hoa Nghiêm vẫn chẳng sánh bằng. Nếu Hoa Nghiêm thật sự hay hơn, cần gì cuối kinh phải có mười nguyện Phổ Hiền dẫn về Cực Lạc? Chẳng cần thiết! Cuối cùng [kinh Hoa Nghiêm] vẫn phải dùng mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc, quý vị nghĩ xem có ý vị gì!

Bản thân tôi biết mình căn tánh chẳng thông lợi, nghiệp chướng rất nặng. Thuở ban đầu học Phật, suốt mười mấy năm chẳng hiểu Tịnh Độ. Thầy khuyên tôi học Tịnh Độ, thầy Lý đã khuyên mười mấy lần, tôi vẫn chẳng động tâm. Thậm chí thầy còn phải thốt ra những lời mà người bình phàm rất khó nói. Thầy bảo tôi: “*Anh cứ tu Tịnh Tông thử coi! Anh thấy bao nhiêu vị đại sư, đại đức từ xưa đều học pháp này. Vạn nhất là bị lừa thì cả đồng người bị lừa như vậy, chúng ta bị gạt lần này cũng chẳng sao!*” Dùng những lời như thế bảo ban, khuyên nhủ tôi, tôi vẫn chẳng tiếp nhận, tôi cười cười, chẳng dám phản bác thầy, nhưng tôi vẫn học Giáo. Khi đó, tôi học Giáo là học Hoa Nghiêm. Tin tưởng [Tịnh Độ] như thế nào? Cũng là có một ngày đột nhiên cảm nhận, Văn Thù Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát, đó là hai vị đại Bồ Tát được tôn kính nhất trong tâm mục của người học Hoa Nghiêm, tôi nghĩ hai Ngài do học pháp môn gì mà thành tựu? Còn có Thiện Tài đồng tử là môn sinh đặc ý, là đệ tử nhập môn của Văn Thù Bồ Tát, chắc chắn Thiện Tài tu cùng một pháp môn với ngài Văn Thù. Lúc đó, tôi đã giảng kinh Hoa Nghiêm được một nửa, phần sau chưa giảng đến, lật phần sau ra coi, coi đến quyển thứ ba mươi chín trong bộ Tứ Thập Hoa Nghiêm, [nhận thấy] Văn Thù Bồ Tát phát nguyện vãng sanh thế giới Cực Lạc, Phổ Hiền Bồ Tát cũng phát nguyện vãng sanh thế giới Cực Lạc. Trong phần trước, chúng ta đã niệm hai bài văn phát nguyện của các Ngài. Tôi cảm thấy rợn da gà, chuyện này là như thế nào? Sau đây, đọc kỹ lưỡng năm mươi ba lần tham học mới thấu hiểu. Vị thiện tri thức thứ nhất trong năm mươi ba lần tham học là tỳ-kheo Cát Tường Vân tu Ban Châu tam-muội. Ban Châu tam-muội là chuyên niệm A Di Đà Phật cầu sanh thế giới Cực Lạc. Thiện Tài đồng tử tham phỏng vị thiện tri thức ấy tức là gì? Tương trưng “*tiên nhập vi chủ*”! Lại nhìn vào vị thiện tri thức cuối cùng, mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc. Chúng tôi khẳng định, Thiện Tài đồng tử từ đầu tới cuối niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Do như vậy, tôi mới tin tưởng Tịnh Độ, mới thật sự không dám khi dễ kinh luận Tịnh Độ. Tôi trở về Tịnh Độ chẳng dễ dàng, nhưng đã quay về bèn thật sự quay đầu, chẳng giả, tôi đã hiểu rõ ràng.

Sau khi đã hiểu rõ, tôi mới tin tưởng, mới tiếp nhận. Chưa hiểu rõ ràng, minh bạch, thầy khuyên cách nào, quý vị thấy tôi đều chẳng động tâm.

Vì vậy, những ai đã dẫn tôi vào Tịnh Độ? Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Lăng Nghiêm. Lúc ấy, tôi ưa thích giảng những kinh điển ấy, giảng đại ý kinh Pháp Hoa, tôi nhớ hình như lúc ấy giảng đại ý kinh Pháp Hoa sáu mươi giờ. Đúng là chẳng dễ dàng, nhận biết rõ ràng, hiểu minh bạch thì mới là “được Phật thọ ký”. Quý vị thật sự hiểu rõ ràng, minh bạch, khẳng định một mục tu học pháp môn này, hiện tiền được Phật thọ ký. Khi nào đức Phật sẽ thọ ký cho quý vị? Quý vị đọc đến đoạn kinh văn này, ở đây là thọ ký Bồ Đề. “*Thăng Quán Đảnh giai, thọ Bồ Đề ký*” (lên địa vị Quán Đảnh, thọ ký Bồ Đề), chính là thọ ký cho quý vị. [Nói cách khác], hai câu kinh văn này là đức Phật thọ ký cho quý vị. Chúng ta phải thẳng thừng đảm nhận, chớ nên khách sáo. Nếu nghĩ “đây là Phật thọ ký cho Bồ Tát, ta chẳng có phần” thì lỡ làng rồi! Quý vị phải cùng với các vị Bồ Tát tiếp nhận lời thọ ký của đức Phật, đó là chánh xác. Do vậy, quý vị thấy đó, mỗi ngày quý vị đọc kinh này là mỗi ngày khai ngộ, mỗi ngày được Phật quán đảnh, mỗi ngày được Phật thọ ký, khẳng định quý vị phiền não ngày càng nhẹ, chắc chắn trí huệ ngày càng tăng trưởng.

“*Kinh trung*”, câu kinh ấy, “*thọ Bồ Đề ký, biểu dự hội đại sĩ quân môn thọ ký*” (“thọ Bồ Đề ký” biểu thị các đại sĩ tham dự pháp hội đều được thọ ký), chúng ta cũng thuộc trong số đó, chẳng lọt ra ngoài. Quý vị chẳng chân tâm tu pháp môn này sẽ chẳng có phần, chẳng thuộc vào đó. Ta chân tâm tu pháp môn này, buông các pháp môn khác xuống, toàn tâm toàn ý chuyên tu pháp môn Niệm Phật, một phương hướng, một mục tiêu, một phương hướng là Tây Phương Tịnh Độ, một mục tiêu là thân cận A Di Đà Phật. Hãy nhớ “*hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng*”, ý niệm có năng lượng chẳng thể nghĩ bàn. Chúng ta chỉ có một ý niệm này, thân cận A Di Đà Phật, chỉ có một ý niệm ấy, vĩnh viễn theo gót A Di Đà Phật, học tập A Di Đà Phật, đó là đúng. “*Định đương tác Phật*” (nhất định sẽ làm Phật), vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có ai không thành Phật. Tuy thành Phật có sớm hay trễ khác nhau, nhưng có thể nói: Đều là thành Phật rất nhanh chóng! Quý vị thấy người hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư là địa vị thấp nhất, đạt đến “minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật” chỉ cần mười hai kiếp. Thoạt nhìn, chúng ta thấy mười hai kiếp rất dài, nhưng trong thế giới Cực Lạc [thời gian ấy] rất ngắn, do thọ mạng là vô lượng thọ nên mười hai kiếp còn chưa bằng mười hai ngày! Trong các thế giới phương khác, chẳng tìm được điều này! Trong các thế giới phương khác, quý vị phải đoạn phiền não, quý vị nghĩ xem phiền não rất khó đoạn. Đoạn Kiến Tư phiền não rồi mới chứng A La Hán, thành Phật càng xa xôi. Càng tiến lên cao, phiền não càng khó đoạn. Do vậy, trong các thế giới phương khác, [chẳng hạn như trong] thế giới Sa Bà của chúng ta, thành Phật phải mất vô lượng kiếp. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, chậm nhất là mười hai kiếp, nhanh nhất thì sao? Nhanh nhất là tới đó bèn thành! Chúng ta chưa thể đạt được nhanh nhất, nhưng cũng chẳng đến nỗi chậm nhất. Thông thường trong thế giới Cực Lạc, để thành

Phật, ước chừng ba, bốn, năm kiếp là đã thành tựu, thật sự hy hữu, khó gặp. “*Phục chi thị chư đại sĩ quảng vị chúng sanh thọ ký tác Phật*” (lại còn có nghĩa là các vị đại sĩ ấy đã thọ ký cho rộng khắp các chúng sanh đều thành Phật), câu này đã bao gồm toàn bộ chúng ta trong đó. Các vị đại sĩ ấy là các vị Bồ Tát trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, mà cũng là các vị Bồ Tát trong mười phương các cõi Phật, chẳng có vị nào không giảng bộ kinh này, chẳng có vị nào không truyền pháp môn này, đều là khuyến trọn khắp hết thầy chúng sanh hãy niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Những vị ấy đã thọ ký hết thầy chúng sanh làm Phật, thật vậy, chẳng giả. Chúng ta đã gặp gỡ, phải cảm ân, phải thật sự tu tập. Pháp môn này và kinh điển này đã ban cho chúng ta hy vọng vô cùng, chúng ta phải nhận biết, phải nắm vững cơ duyên này, quyết định thành tựu trong một đời này. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới đây.